UBND HUYỆN VĨNH BẢO
TRƯỜNG MN TRẦN DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Số: 203 /TCTĐ - MN

Trấn Dương, ngày 03 *tháng 10 năm 2023*

TIÊU CHÍ THI ĐUA
Đánh giá xếp loại thi đua Cán bộ - Giáo viên – Nhân viên
Năm học 2023 - 2024

Căn cứ Quyết định số 2400/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Ủyban nhân dân thành phố Hải Phòng về ban hành khung Kế hoạch thời gian năm học 2023-2024 đối với giáo dục mầm non (GDMN), giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên thành phố Hải Phòng; Công văn số 2179/SGDĐT-GDMN ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học2023-2024 đối với GDMN;

Căn cứ công văn hướng dẫn số 613/GDĐT ngày 06/9/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Vĩnh Bảo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục năm học 2023- 2024; Căn cứ Kế hoạch số 623/GDĐT-MN ngày 07/9/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Vĩnh Bảo về việc kế hoạch trọng tâm thángGDMN năm học 2023- 2024;

Thực hiện kế hoạch số197/KH-MN ngày 03 tháng 10 năm 2023 về việc thực hiện nhiệm vụ trường mầm non của trường mầm non Trấn Dương; thực hiện kế hoạch số 198/KH-MN ngày 03 tháng 10 năm 2023 về Kế hoạch trọng tâm tháng của trường mầm non Trấn Dương.

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu cụ thể của từng vị trí công tác để xây dựng các tiêu chí thi đua nhằm tạo nên động lực và chuẩn mực hóp phần giúp cho cán bộ, giáo viên, nhân viên phấn đấu nỗ nực để hoàn thành tốt nhiệm vụ.

A. NHỮNG QUI ĐỊNH CHUNG TRONG VIỆC ĐÁNH GIÁ THI ĐUA

1.Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu cụ thể của từng vị trí công tác để xây dựng các tiêu chí thi đua nhằm tạo lên động lực và chuẩn mực góp phần giúp cho cán bộ, giáo viên, nhân viên phấn đấu nỗ lực để hoàn thành tốt nhiệm vụ của bản thân.

Các tiêu chí được xây dựng phải đảm bảo tính thực tiễn, tính khoa học, tính chính xác, khách quan và công bằng trong công tác đánh giá thi đua.

2. Kết quả thi đua sẽ là một căn cứ quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành công việc, đánh giá xếp loại công chức, xét tặng các danh hiệu thi đua trong năm học.

3.Công tác đánh giá thi đua được tiến hành vào 2 đợt ở cuối mỗi kì học trong năm học. Đồng thời phải đảm bảo đúng qui trình, thủ tục và xét thi đua.

4. Tiêu chí thi đua được xây dựng trên cơ sở yêu cầu của nhiệm vụ được qui đổi và cho điểm tối đa cho từng nhiệm vụ cụ thể nếu thực hiện tốt, còn nếu không đáp ứng được các yêu cầu đó thì đối trừ điểm số tương ứng.

5. Điểm thưởng cho cá nhân được tính cho mỗi một hoạt động tốt, được cộng vào kết quả cuối cùng của tổng điểm các tiêu chí.

6. Việc xếp loại thi đua căn cứ vào tổng điểm chung và điểm giới hạn của từng tiêu chí.

I.<u>ĐỐI VỚI GIÁO VIÊN</u>

B. CÁC NỘI DUNG CHẤM THEO THÁNG

STT	NỘI DUNG	CỘNG ĐIỂM		TRỪ ĐIỂM	
		TIÊU CHÍ	SỐ ĐIỂM	TIÊU CHÍ	SỐ ĐIỂM
1	**Thực hiện ngày giờ công**	Đi đủ ngày công , đi làm đúng giờ	5	- Vắng một buổi không báo cáo với lãnh đạo,hoặc không được lãnh đạo đồng ý.	10
				- Bỏ lớp không lí do	2
				- Vắng có lí do chính đáng được lãnh đạo đồng ý.(quá 3ngày / tháng) Nằm viện k trừ.	2
				Sử dụng chơi điện thoại di động trong giờ làm việc	1
				Không chấp hành điều động phân công của nhà trường	2
		Đi làm đúng giờ, mặc đồng phục đúng theo quy định	5	Đi làm muộn 30 phút không có lý do	1
				Không mặc đồng phục của trường theo quy định	1

2	**Tổ chức ngày hội, ngày lễ**	Có tham gia, đi đúng giờ	10	Vắng không có lý do	1
3	**Hội họp**	Có tham gia, đi đúng giờ	5	Trễ 30 phút trở lên không lý do	1
				Vắng không lý do	1
4	**Công tác thực hiện chuyên môn**	Thực hiện theo đúng kế hoạch chương trình đã đề ra	10	Tự ý thay đổi kế hoạch chương trình không báo	5
		Giáo án soạn trước 3 ngày trở lên, chuẩn bị đồ dùng đồ chơi,thiết bị dạy học tối thiểu	10	Không chuẩn bị giáo án khi lên lớp.Không chuẩn bị đồ dùng đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu	10
		-Nộp giáo án đúng theo quy định	10	Nộp giáo án chậm hai lần /tháng	5
		Đầy đủ HSSS theo quy định ,đảm bảo về thông tin nội dung, theo đúng mẫu của trường quy định	10	Không đầy đủ các hồ sơ theo quy định.Không đúng mẫu của nhà trường quy định	8
		Có đầy đủ các kế hoạch và nộp các kế hoạch đúng thời gian quy định	5	Không có đầy đủ các kế hoạch và không nộp các kế hoạch đúng thời gian quy định	3
		Thực hiện tốt các chuyên đề trọng tâm		Không thực hiện	3
5	**Tự học, tự bồi dưỡng,**	Tham gia đầy đủ về BDTX, tập huấn, chuyên đề	5	Tham gia không đầy đủ về BDTX, tập huấn, chuyên đề…	5
		Tham gia, quản lí điều hành qua mạng trên trang		Tham gia, quản lí điều hành qua mạng trên trang web của trường đã	5

		web của trường đã được phân công	5	được phân công nhưng làm sơ sài, không liên tục, gây ảnh hưởng chung.(đối với tổ trưởng và các thành viên của tổ)	
7	**Công tác tuyên truyền**	Lớp hoàn thành các các khoản thu của nhà trường theo quy định	5	Lớp để đọng nợ các khoản tiền theo thời gian quy định (Trừ trường hợp đặc biệt được BGH xem xét giải quyết)	1
9	**Vệ sinh**	Phòng lớp, phòng kho, hành lang, nhà vệ sinh sạch sẽ gọn gàng , sắp xếp khoa học	10	Phòng lớp có mạng nhện, giá đồ chơi các góc săp xếp không gọn gàng, bụi bẩn	2
				Phòng kho của lớp sắp xếp đồ dùng, phương tiện phục vụ ăn, ngủ không ngăn nắp, gọn gàng, khoa học.	2
				Phòng vệ sinh, để đồ dùng ăn – uống trong nhà WC và trong lớp học, WC bẩn, nặng mùi.	2
		Đồ dùng cá nhân, đồ vệ sinh sắp xếp gọn gàng khoa học	5	Đồ dùng vệ sinh bẩn	3
10	**Giờ vệ sinh**	- Thực hiện vệ sinh cá nhân thường xuyên cho trẻ hàng ngày. - Đúng quy trình vs, khoa học, trẻ có nề nếp kỹ năng vệ sinh. *(đánh giá qua kiểm tra hàng ngày)*	5 Tốt 5 Khá 4 ĐYC 2	Không thường xuyên	1

11	**Giờ ăn,ngủ**	Chuẩn bị đầy đủ đồ dùng cho trẻ khi ăn và ngủ	13	Không kê bàn ăn cho trẻ	5
				Không có nước muối xúc miệng cho trẻ hàng ngày	1
				Không kê dát giường, không có gối trẻ ngủ.	5
12	**An toàn**	Đảm bảo an toàn cả về vật chất lẫn tinh thần cho trẻ	10	-Giáo viên để phụ huynh phản ảnh BGH.	5
				-Để cháu xảy ra tai nạn	5
13	**Báo cáo**	Báo cáo đúng thời gian	5	Báo cáo chậm	1

TỔNG ĐIỂM TỐI ĐA: 150 ĐIỂM

Xếp loại A: 90- 100 điểm

Xếp loại B: 70- dưới 90 điểm

Xếp loại C: Dưới 70 điểm

CÁC NỘI DUNG TÍNH ĐIỂM THEO NĂM HỌC

STT	**NỘI DUNG**	**CỘNG ĐIỂM**		**TRỪ ĐIỂM**	
		TIÊU CHÍ	**SỐ ĐIỂM**	**TIÊU CHÍ**	**SỐ ĐIỂM**
1	**Hội thi sáng tạo**	* Cấp Huyện: - Giải nhất - Giải nhì - Giải ba - Giải khuyến khích	 50 45 40 30		
	Hội thi khác	* Cấp trường: - Giải nhất - Giải nhì - Giải ba - Giải khuyến khích - Có tham gia nhưng không có giải	 30 25 20 15 10	Không tham gia	10
2	**Hoạt động phong trào** ***1.Hội thi*** GVDG các cấp	**Thi GVG Cấp huyện, cấp thành phố** ****Tiết dạy*** -Điểm cao số ,2 so với trường	 40	Không tham gia	0

		- Điểm cao số 3,4,5… **** Thi lý thuyết*** - Điểm cao số 1,2 của trường - Điểm cao số 3,4,5,6..	35 5 4		
		GVG: Cấp trường - Tốp 1: 90-100 - Tốp 2: 80- dưới 90 - Tốp 3: dưới 80	 Theo thang điểm	Không tham gia	10
	Văn hoá văn nghệ	Lớp tham gia đầy đủ các đợt phong trào văn nghệ	1		
3	**Các đợt kiểm tra của trường**	+ các đợt kiểm tra - Tốp 1 - Tốp 2 - Tốp 3	 Theo thang điểm		
4	**Chuyên đề (từng đợt)**	Thực hiện minh họa chuyên đề - Điểm trung bình được tính cho toàn khối - Giáo viên thực hiện chuyên đề	 10	Được phân công nhưng thoái thác, lẫn tránh	5
		GV đăng ký lên chuyên đề cấp trường + Xếp loại tốt +Xếp loại khá	 10 8		
		GV lên chuyên đề cấp cụm	15		
5	**Thanh tra**	* Cấp huyện, tỉnh… - Tốt - Khá - Đạt yêu cầu	 20 8 5		
		* Cấp trường - Tốt - Khá - Đạt yêu cầu	 5 3 2		

6	**Sức khỏe**	-Tỉ lệ trẻ SDD thể nhẹ cân dưới 4% - Tỉ lệ trẻ SDD thể thấp còi dưới 7% - Tỷ lệ SDD lần sau giảm hơn lần trước > 3	3	Không đạt tỷ lệ theo yêu cầu.	2
7	**Chất lượng giáo dục**	cuối năm - PTTC: 95% - PTTCXH: 95% - PTNN : 94% - PTNT: 96% - PTTM: 96%	3	Không đạt tỷ lệ theo yêu cầu	2
8	**Sáng kiến**	Đạt Cấp thành phố	20		
		Đạt Cấp huyện giỏi	10		
		Đạt Cấp huyện khá	8		
		Đạt Cấp trường giỏi	5		
		Đạt Cấp trường khá	3		
9	**Công tác xã hội**	GV hiến máu nhân đạo	5		
10	**KHHGĐ**	Sinh con thứ 3		Cắt thi đua	
11	**Điểm thưởng**	Khối trưởng	5		

CÁCH TÍNH ĐIỂM CHO CẢ NĂM HỌC NHƯ SAU

(Tổng điểm hàng tháng cộng lại chia bình quân + Các điểm theo năm học)/2

Xếp loại: Xuất sắc: lấy điểm từ trên xuống (20% tổng số giáo viên)

Xếp loại : Tốt, khá,TB, nhà trường căn cứ điểm thực tế để phân loại giáo viên

II. KHỐI VĂN PHÒNG

STT	NỘI DUNG	CỘNG ĐIỂM		TRỪ ĐIỂM	
		TIÊU CHÍ	SỐ ĐIỂM	TIÊU CHÍ	SỐ ĐIỂM
1	**Thực hiện ngày giờ công**	Đi đủ ngày công	5	- Vắng một buổi không báo cáo với lãnh đạo,hoặc không được lãnh đạo đồng ý.	5

				- Bỏ vị trí không lí do	5
				- Vắng có lí do chính đáng được lãnh đạo đồng ý.(quá 3ngày / tháng)	5
				Không chấp hành điều động phân công của nhà trường	5
		Đi làm đúng giờ, mặc đồng phục đúng theo quy định	5	Đi làm muộn giờ 30 phút không có lý do	5
				Đi làm muộn 30 phút có lý do 3 lần/ tháng	5
				Không mặc đồng phục của trường	5
2	**Tổ chức ngày hội, ngày lễ**	Có tham gia, đi đúng giờ	10	Vắng có lý do Vắng không có lý do	2 8
3	**Hội họp**	Có tham gia, đi đúng giờ	5	Trễ 15 phút trở lên	2
				Vắng không có lí do	8
4	**Công việc thực thi**	Đảm bảo làm lương đúng thời gian quy định	15	Không đúng thời gian (Không có lý do chính đáng)	10
		Đầy đủ HSSS theo quy định ,đảm bảo về thông tin nội dung, theo đúng mẫu của trường quy định	10	-Không đầy đủ các hồ sơ theo quy định.Không đúng mẫu của nhà trường quy định	20
5		Cập nhật các loại hồ sơ, chứng từ đầy đủ, kịp thời, hàng tháng trình Hiệu Trưởng phê duyệt	10	Thiếu hồ sơ quy định	5
				Cuối tháng không nộp hồ sơ về văn phòng hiệu trưởng	10
		Hoàn thành các nhiệm vụ được giao	10	Không hoàn thành 3 nhiệm vụ được giao/ tháng	10

		Hoàn thành các báo cáo, thông tin....cấp trên gửi về đúng thời gian	15	Bị cấp trên phản ảnh 2lần/tháng	15
		Thu thanh toán tiền ăn phụ huynh rõ ràng, khoa học	5	Để phụ huynh phản ảnh các vấn đề liên quan đến tài chính không đúng sự chỉ đạo nhà trường	5
		Có những tham mưu đề xuất sáng kiến cho nhà trường tốt	5		
6	**KHHGĐ**	Sinh con thứ 3		Cắt thi đua	
7	**Báo cáo**	Báo cáo đúng thời gian	5	Báo cáo muộn	3

TỔNG ĐIỂM: 100 ĐIỂM

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

1. Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 90- 100 Điểm

2.Hoàn thành nhiệm vụ: 70- dưới 90 điểm

4. Chưa hoàn thành nhiệm vụ : Dưới 70 điểm

III. Y TẾ

STT	NỘI DUNG	CỘNG ĐIỂM		TRỪ ĐIỂM	
		TIÊU CHÍ	SỐ ĐIỂM	TIÊU CHÍ	SỐ ĐIỂM
1	**Thực hiện ngày giờ công**	Đi đủ ngày công	5	- Vắng một buổi không báo cáo với lãnh đạo,hoặc không được lãnh đạo đồng ý.	10
				Bỏ bếp không có lý do	2
				- Vắng có lí do chính đáng được lãnh đạo đồng ý (quá 3 ngày/ tháng) nằm viện không bị trừ.	2
				Sử dụng chơi điện thoại di động trong giờ làm	1

				việc.	
				Không chấp hành điều động phân công của nhà trường	2
2	**Trang phục**	Đi làm đúng giờ, mặc đồng phục đúng theo quy định	5	Đi làm muộn giờ 30 phút không có lý do	1
				Không mặc đồng phục của trường	1
				Vắng không có lý do	1
3	**Hội họp**	Có tham gia, đi đúng giờ	5	Trễ 30 phút trở lên không lý do.	1
				Vắng không lý do	3
4	**Vệ sinh**	Vệ sinh trong và ngoài phòng sạch sẽ.	5	phòng có mạng nhện, tường, lối đi để mọc rêu trơn.	2
				Trong và ngoài phòng không sạch sẽ.	2
		Thiết bị, đồ dùng sạch sẽ, sắp xếp gọn gàng khoa học.	5	Thiết bị đồ dùng bẩn, không ngăn nắp.	3
				Đồ dùng không có ký hiệu rõ ràng.	3
5	**Chăm sóc sức khỏe**	Thường xuyên kiểm tra rà soát và phát hiện các dịch bệnh kịp thời	5	Phát hiện chậm trễ, báo cáo muộn với BGH 1lần/ tháng	1
		Không sảy ra dịch bệnh.	10	Có dịch bệnh sảy ra	5
6	**Thực hiện nhiệm vụ được giao**	Đầy đủ HSSS theo quy định ,đảm bảo về thông tin nội dung, theo đúng mẫu của trường quy định	5	-Không đầy đủ các hồ sơ theo quy định.Không đúng mẫu của nhà trường quy định	1
		Cập nhật các loại hồ sơ, đầy đủ, kịp thời, hàng tháng trình Hiệu	10	Thiếu hồ sơ quy định	1
				Cuối tháng không nộp	1

		Trưởng phê duyệt		hồ sơ về văn phòng hiệu trưởng	
		Hoàn thành các nhiệm vụ được giao	5	Không hoàn thành 3 nhiệm vụ được giao/ tháng	2
		Thu thanh toán tiền ăn phụ huynh rõ ràng, khoa học	5	Để phụ huynh phản ảnh các vấn đề liên quan đến tài chính không đúng sự chỉ đạo nhà trường	3
		Tổng hợp cân đo, khám sức khỏe cho trẻ đúng thời gian quy đinh	10	Tổng hợp cân đo, khám sức khỏe cho trẻ không đúng thời gian quy đinh	5
		Hàng tháng có các bài tuyên truyền về sức khỏe tới các bậc phụ huynh	5	Không có bài đăng	5
		Có những tham mưu đề xuất sáng kiến cho nhà trường tốt	5		
		Có đầy đủ dụng cụ sơ cứu ban đầu	5	Không có các phương tiện sơ cứu ban đầu	5
				Để thuốc hết hạn sử dụng	5
7	**Tự học, tự bồi dưỡng**	Tham gia đầy đủ về BDCM, tập huấn, chuyên đề	5	Tham gia không đầy đủ về BDCM, tập huấn, chuyên đề (k lý do)	
8	**Báo cáo**	Báo cáo đúng thời gian	5	Báo cáo không đúng thời gian	

TỔNG ĐIỂM TỐI ĐA: 100 ĐIỂM

Xếp loại A: 90 – 100 điểm

Xếp loại B: 70 - dưới 90 điểm

Xếp loại C: Dưới 70 điểm

IV. NHÂN VIÊN CẤP DƯỠNG
CÁC NỘI DUNG TÍNH THEO THÁNG

STT	NỘI DUNG	CỘNG ĐIỂM		TRỪ ĐIỂM	
		TIÊU CHÍ	SỐ ĐIỂM	TIÊU CHÍ	SỐ ĐIỂM
1	**Thực hiện ngày giờ công**	Đi đủ ngày công	5	- Vắng một buổi không báo cáo với lãnh đạo,hoặc không được lãnh đạo đồng ý.	10
				Bỏ bếp không có lý do	2
				- Vắng có lí do chính đáng được lãnh đạo đồng ý (quá 3 ngày/ tháng) nằm viện không bị trừ.	2
				Sử dụng chơi điện thoại di động trong giờ làm việc.	1
				Không chấp hành điều động phân công của nhà trường	2
2	**Trang phục**	Đi làm đúng giờ, mặc đồng phục đúng theo quy định	5	Đi làm muộn giờ 30 phút không có lý do	1
				Không mặc đồng phục của trường theo quy định	1
				Vắng không có lý do	1
3	**Hội họp**	Có tham gia, đi đúng giờ	5	Trễ 30 phút trở lên không lý do.	1
				Vắng không lý do	3
4	**Vệ sinh**	Vệ sinh trong và ngoài Bếp, phòng kho sạch sẽ.	10	Bếp có mạng nhện, tường, lối đi để mọc rêu trơn.	2
				Kho,Trong và ngoài bếp không sạch sẽ.	2
				Rác không sử lý để mất vệ sinh	3
		Thiết bị, đồ dùng sạch sẽ, sắp xếp	5	Thiết bị đồ dùng bẩn, không ngăn nắp.	3

		gọn gàng khoa học.		Đồ dùng không có ký hiệu rõ ràng.	3
5	**Môi trường**	Cắt tỉa, nhổ cỏ, chăm sóc cho cây luôn xanh tốt.	5	Cây không cắt tỉa,vườn nhiều cỏ.	2
				Cây để hỏng không bổ xung.	3
6	**An Toàn**	Đồ dùng, thiết bị, được sắp đặt an toàn. Đủ biểu bảng.	5	Để rơi, vỡ , hỏng thiết bị đồ dùng.	2
				Thiếu biểu bảng theo quy định.	1
				Để chất dễ cháy nổ trong kho, bếp..	5
		Sử dụng Điện, nước, Gas an toàn.	5	Không khóa bình gas sau khi đun	2
				Để xảy ra cháy, nổ có thiệt hại	20
		Không xảy ra ngộ độc thức ăn.	10	Để lưu mẫu thức ăn không đúng theo quy định	3
				Không để lưu mẫu thức ăn	3
				Xảy ra ngộ độc thức ăn	50
		Không để lại xương trong khi chế biến.	10	Có xương trong thức ăn của trẻ.	1
7	**Công tác Cấp dưỡng**				
	Cô đi chợ	Tiếp phẩm đúng thời gian quy định. Đủ số lượng. Đảm bảo thực phẩm tươi sống, bảo đảm an toàn thực phẩm.	10	Không phối hợp đa dạng các loại thực phẩm phù hợp trong bữa ăn.	3
				Không tươi sống, không an toàn thực phẩm.	5
	Cô làm sổ	Hồ sơ sổ sách đầy đủ, đúng theo quy định, cập nhật đúng thời gian. Cuối tháng trình BGH duyệt		Không vào sổ đúng thời gian, không đúng số lượng.	1
				Thiếu 1 loại sổ	2

	Cô đứng bếp	Thành phẩm ngon, đủ định lượng. Đảm bảo giờ ăn.		Cơm sống, khê Định lượng thiếu hoặc thừa từ 2 kg trở lên	2
8	**Chất lượng bữa ăn**	Thực hiện đúng quy trình chế biến	2	Bớt xén khẩu khẩu phần ăn của trẻ.	10
		Đảm bảo cân đối nhu cầu về dưỡng chất cho trẻ trong các bữa ăn tại trường mầm non.	4	Không cân đối	1
		Đảm bảo lượng calo: NT từ 600-651; MG từ 615-726	4	Không đạt	2
9	**Tự học, tự bồi dưỡng**	Tham gia đầy đủ về BDCM, tập huấn, chuyên đề	5	Tham gia không đầy đủ về BDCM, tập huấn, chuyên đề (k lý do)	
10	**Báo cáo**	Báo cáo đúng thời gian	5	Báo cáo không đúng thời gian	1

TỔNG ĐIỂM TỐI ĐA: 100 ĐIỂM

Xếp loại A: 90 – 100 điểm

Xếp loại B: 70 - dưới 90 điểm

Xếp loại C: Dưới 70 điểm

CÁC NỘI DUNG TÍNH ĐIỂM THEO NĂM HỌC

STT	**NỘI DUNG**	**CỘNG ĐIỂM**		**TRỪ ĐIỂM**	
		TIÊU CHÍ	**SỐ ĐIỂM**	**TIÊU CHÍ**	**SỐ ĐIỂM**
1	**Hội thi sáng tạo (dành cho cô nuôi)**	* Cấp Huyện: - Giải nhất - Giải nhì - Giải ba - Giải khuyến khích	 40 30 30 20		
		* Cấp trường: - Giải nhất - Giải nhì - Giải ba	 5 4 3	Không tham gia	10

		- Giải khuyến khích - Có tham gia nhưng không có giải	2 1		
2	**Hoạt động phong trào** Hội thi cô nuôi giỏi các cấp	**Thi CNG Cấp huyện** *** Thực hành** -Xuất sắc - Giỏi - Khá **** SKKN*** - xếp loại giỏi Xếp loại khá	Theo thang điểm **10** 8	Không tham gia	0
		CNG: Cấp trường - Điểm được tính theo thang điểm trung bình của ban thi đua trường		Không tham gia	10
3	**Các đợt kiểm tra của trường**	- Tốt - Khá - Đạt yêu cầu	50 45 30		
4	**Thanh tra**	* Cấp huyện, tỉnh… - Tốt - Khá - Đạt YC	 10 8 3		
		* Cấp trường - Tốt - Khá - Đạt YC	 5 3 2		
5	**Chất lượng bữa ăn**	Đảm bảo cân đối nhu cầu về dưỡng chất cho trẻ trong các bữa ăn tại trường mầm non.	4		1
6		Đảm bảo lượng calo: NT từ 600- 651; MG từ 615- 726	4		2
7	**Chuyên đề**	Tham gia cấp cụm	10		
		Cấp trường xếp loại tốt	5		
		Cấp trường xếp loại khá	3		

8	**Công tác xã hội**	GV hiến máu nhân đạo	5		
9	**KHHGĐ**			Sinh con thứ 3	Cắt hết thi đua

Trên đây là tiêu chí thi đua của giáo viên nhân viên trường mầm non Trấn Dương năm học 2023- 2024. Yêu cầu 100% giáo viên, nhân viên nghiêm túc thực hiện các nội dung tiêu chí trên, có gì thắc mắc các đồng chí các đồng chí gặp trực tiếp Ban thi đua để được giải đáp.

Nơi nhận:
- BGH;
- BTĐ;
- GV;
- VP.

PHÓ HIỆU TRƯỞNG PT

Bùi Thị Huyên